

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Viết Xuân

Bà Nguyễn Thị Thiên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Đỗ Ngọc Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có mặt)

- Bị đơn: Chị Lữ Thị Hồng H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Tôi và chị H tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 01/2002 đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi chúng tôi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng rất êm ấm, hạnh phúc cho đến tháng 7/2017 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn tôi đã phát hiện ra chị H đi ngoại tình, tôi đã khuyên bảo chị H để vợ chồng cùng nhau

sinh sống làm ăn nuôi dạy các con nhưng chị H không thay đổi. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn chị H.

* Về con chung: Có 03 cháu: Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 29/10/2002; Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 30/3/2007; Nguyễn Thùy T, sinh ngày 30/3/2007. Khi ly hôn chúng tôi đã thỏa thuận: Tôi nuôi hai cháu Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Mạnh T. Chị H nuôi cháu Nguyễn Thùy T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

* Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lữ Thị Hồng H trình bày: Tôi và anh Tuấn A tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2002 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu xảy ra từ tháng 5/2016 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không phù hợp nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2017 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Anh Tuấn A xin ly hôn tôi đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Có 03 cháu: Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 29/10/2002; Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 30/3/2007; Nguyễn Thùy T, sinh ngày 30/3/2007. Khi ly hôn chúng tôi đã thỏa thuận: Tôi nuôi cháu Nguyễn Thùy T. Anh Tuấn A nuôi hai cháu Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Mạnh T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

* Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Lữ Thị Hồng H. Áp dụng điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao hai cháu Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Mạnh T cho anh Tuấn A nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Thùy T cho chị H nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tuấn A và chị Lữ Thị Hồng H khai rằng anh chị tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 01/2002 cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Cả hai đương sự đều cho rằng thời gian gần đây mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên và hiện nay đã sống ly thân nhau. Anh Tuấn A xác định không còn tình cảm với chị H nữa và xin được ly hôn. Chị H đồng ý ly hôn.

Để góp phần xây dựng hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ. Luật hôn nhân gia đình quy định: “Việc đăng ký kết hôn phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện ...”; Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Thực tế trong vụ án này anh Nguyễn Tuấn A và chị Lữ Thị Hồng H chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Như vậy cần áp dụng những quy định trên để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Lữ Thị Hồng H.

[4] Về con chung: Có 03 cháu: Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 29/10/2002; Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 30/3/2007; Nguyễn Thùy T, sinh ngày 30/3/2007. Khi ly hôn anh chị đã thỏa thuận: Chị H nuôi cháu Nguyễn Thùy T. Anh Tuấn A nuôi hai cháu Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Mạnh T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng. Hai cháu Nguyễn Mạnh H và Nguyễn Mạnh T cho anh Tuấn A nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14; khoản 2 điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Lữ Thị Hồng H.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử giao cháu Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 29/10/2002; Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 30/3/2007 cho anh Nguyễn Tuấn A trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục.

Giao cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 30/3/2007 cho chị Lữ Thị Hồng H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Anh Nguyễn Tuấn A phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2013/04655 ngày 27/11/2017 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận anh Nguyễn Tuấn A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tuấn A được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lữ Thị Hồng H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng